TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AYUNPA
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số**:** 03/2018/DS-ST
Ngày: 25/9/2018
"V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AYUNPA TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Siu Lanh.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Công.
2. Ông Nguyễn Đức Thại.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hợi, Thư ký Toà án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai xét xử công khai vụ án thụ lý số: 11/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2018 về "tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà HN, sinh năm 1966 và ông LD, sinh năm 1963.
Địa chỉ: Số nhà L, phường SB, thị xã AP, tỉnh GL. Có mặt.
2. Bị đơn: Chị TT, sinh năm 1982.
Địa chỉ: 25 ND, phường SB, thị xã AP, tỉnh GL. Có mặt.
3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh TT, sinh năm 1984.
Địa chỉ: 25 ND, phường SB, thị xã AP, tỉnh GL. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2018; tại các bản khai; biên bản hoà giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà HN và ông LD trình bày:

Vào ngày 15/3/2017 chị TT có viết giấy vay của ông LD và bà HN số tiền 400.000.000 đ (bốn trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận bằng miệng 1%. Hai bên thỏa thuận hàng tháng sẽ trả tiền lãi nhưng đến tháng 4 năm 2017 chị T báo vỡ nợ và xin

vợ chồng ông D bà N chậm trả tiền lãi một tháng để giải quyết việc gia đình rồi sẽ tiếp tục trả nợ cho ông D, bà Nnhư thỏa thuận, khi hết thời hạn một tháng vợ chồng bà N, ông D thấy chị T không có khả năng trả nợ và cố tình trốn tránh nên không đồng ý cho chị T vay nữa và yêu cầu chị T phải trả số tiền nợ gốc đã vay. Đến ngày 17/5/2017 chị T viết giấy hẹn nợ đến ngày 17/6/2017 sẽ trả cho ông D, bà N số tiền 200.000.000 đồng, số tiền còn lại hai bên thỏa thuận bằng miệng sẽ trả dần cho đến khi hết nợ. Khi chị Tuyết vay tiền thì anh TT chồng chị T không biết nhưng sau khi chị T vỡ nợ anh T biết chị T vay tiền của ông D, bà N và cùng với bố để chị T có qua nhà ông D, bà N khất nợ và hứa sẽ trả nhưng sau đó chị T và anh T chỉ trả cho ông D, bà N được 50.000.000 đồng tiền gốc, từ đó đến nay chị T và anh T vẫn không trả cho ông D, bà N mặc dù ông D, bà N đã đến đòi rất nhiều lần. Ông D, bà N khởi kiện yêu cầu chị T, anh T phải trả số tiền gốc là 350.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 15/3/2017 đến 15/3/2018 là 42.000.000 đồng nhưng trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay ông D, bà N thấy hoàn cảnh chị T, anh T khó khăn nên yêu cầu chị T, anh T phải trả số tiền gốc 350.000.000 đ (ba trăm năm mươi triệu đồng) và không yêu cầu chị T, anh T phải trả tiền lãi.

- Tại bản khai, các biên bản hòa giải, bị đơn bà TT trình bày:

Chị T công nhận có vay tiền của bà N, ông D số tiền 400.000.000 đồng, khi vay tiền thì chồng chị T là anh T không biết, nhưng sau khi chị T vỡ nợ thì anh T có biết chị T vay bà N, ông D số tiền 400.000.000 đồng nên anh T đã sang nhà bà N, ông D hứa trả dần, sau đó, bà N, ông D có qua nhà chị T thuê ở Ia Tul đòi nợ thì vợ chồng chị T có trả cho bà N, ông D 50.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 350.000.000 đồng. Số tiền vay của bà N, ông D về trả tiền hụi và tiền lãi là chủ yếu, số tiền này không mua sắm gì lớn trong gia đình mà chỉ đi chợ và chi tiêu nhỏ trong gia đình.

Nay hoàn cảnh chị T khó khăn nên không có khả năng trả số tiền 350.000.000 đồng một lần nên xin bà N, ông D trả hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

- Tại bản khai, biên bản hòa giải, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh TT trình bày:

Khi chị T vay tiền bà N, ông D thì anh T không biết nhưng sau khi bể nợ anh T biết chị T vay của ông D, bà N số tiền 400.000.000 đồng, sau đó, anh T và bố đẻ của T có qua nhà ông D, bà N xin khất nợ và hứa trả dần, nay anh T có ý kiến sẽ chịu trách nhiệm chung với chị T trả nợ cho ông D, bà N. Hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn nên anh chỉ có khả năng trả hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng, vì tiền lương của anh T còn phải trả cho nhiều người khác nữa.

Về tài liệu, chứng cứ: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cung cấp các tài liệu sau: 01 giấy mượn tiền (bản gốc); 01 giấy hẹn trả nợ (bản gốc) 02 bản sao Giấy CMND mang tên LD và HN và 01 bản sao Sổ hộ khẩu chủ hộ là HN.

Quá trình làm việc tại Toà án, bị đơn T cung cấp cho Tòa án: 01(Một) Sổ hộ khẩu mang tên T; 01 (Một) chứng minh nhân dân mang tên T; bản khai ngày 05/4/2018.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh T không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

Tài liệu chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập: 01 (Một) Biên bản đối chất ngày 10/5/2018;

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai phát biểu về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng, việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào các Điều 463,465,466,469 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 27,30,37 luật Hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N và ông D; tuyên vợ chồng chị T và anh T có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà N và ông D số tiền 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng).

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị T và anh T phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 17.500.000đ (mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Hoàn trả lại cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ayun Pa là 9.800.000đ (chín triệu tám trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 28/3/2018, bà N và ông D nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết "tranh chấp Hợp đồng vay tài sản". Cùng với đơn khởi kiện, N và ông D đã nộp kèm các tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp. Hình thức, nội dung đơn khởi kiện của N và ông D đúng quy định. Bị đơn chị T có nơi cư trú tại thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 15/3/2017 chị T có vay tiền bà N và ông D số tiền 400.000.000 đồng là có thật, khi vay hai bên có viết giấy vay tiền và hẹn hàng tháng sẽ trả tiền lãi nhưng đến tháng 4 năm 2017 chị T báo vỡ nợ và xin vợ chồng ông D, bà N chậm trả tiền lãi một tháng để giải quyết việc gia đình rồi sẽ tiếp tục trả nợ cho ông D, bà N như thỏa thuận, tuy nhiên khi hết thời hạn một tháng vợ chồng bà N, ông D thấy chị T không có khả năng trả nợ và cố tình trốn tránh nên không đồng ý cho chị T vay nữa và yêu cầu chị T phải trả số tiền nợ gốc đã vay. Đến ngày

17/5/2017 chị T viết giấy hẹn nợ đến ngày 17/6/2017 sẽ trả cho ông D, bà N số tiền 200.000.000 đồng, số tiền còn lại hai bên thỏa thuận bằng miệng sẽ trả dần cho đến khi hết nợ nhưng đến nay bà T chỉ trả được 50.000.000 đồng tiền gốc. Tại giấy vay tiền chỉ một mình chị T ký tên nhưng cả chị T và anh T đều khai là khi vay tiền anh T không biết, sau khi chị Tuyết vỡ nợ thì anh T biết chị T vay ông D, bà N số tiền 400.000.000 đồng và cũng có đến nhà gặp ông D, bà N để hứa trả nợ, anh T có ý kiến sẽ chịu trách nhiệm chung với chị T trong việc trả nợ cho ông D, bà N, mặt khác, chị T khai số tiền vay của ông D, bà N về sử dụng với mục đích là để trả tiền hụi, tiền lãi vay và chi tiêu nhỏ trong gia đình. Do đó, đây là nợ chung của chị T và anh T, anh T phải có trách nhiệm liên đới với chị T trong việc thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ cho ông D, bà N. Hội đồng xét xử xét thấy việc ông D, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị T và anh T phải trả số tiền gốc 350.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 463,465,466,469 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 27,30,37 luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về lãi suất: Bà N và ông D không yêu cầu chị T và anh T phải trả lãi suất.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Bà N và ông D được chấp nhận nên chị T và anh T phải chịu 17.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ayun Pa là 9.800.000đ (chín triệu tám trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 3 Điều 228; Điều 266; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 463,465,466,469 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 27,30,37 luật Hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N và ông D

Buộc chị T và anh T có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà N và ông D số tiền 350.000.000 đ (ba trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thia hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

2. Về án phí.

Chị T và anh T phải chịu 17.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ayun Pa là 9.800.000đ (chín triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001872 ngày 04/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

3. Quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (25/9/2018), nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thihành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**

Trần Văn Công Nguyễn Đức Thại Siu Lanh

Nơi nhận:
- Các đương sự (02 bản);
-VKSND thị xã Ayun Pa (02 bản);
- Chi cục THADS thị xã AyunPa (01 bản);
- GĐKT Toà án tỉnh (01 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án (01 bản);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Siu Lanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**

Ngô Bảo Châu Phan Thị Nhàn **Siu Lanh**

Nơi nhận:
- Các đương sự (03 bản);
-VKSND thị xã Ayun Pa (02 bản);
- Chi cục THADS thị xã AyunPa (01 bản);
- GĐKT Toà án tỉnh (01 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án (01 bản);
- Lưu cơ quan (01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Siu Lanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**

Kpă Kinh **Nguyễn Thị Mến** **Siu Lanh**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**

Kpă Kinh **Nguyễn Thị Mến** **Siu Lanh**

Nơi nhận:
- Các đương sự (03 bản);
-VKSND thị xã Ayun Pa (02 bản);
- Chi cục THADS thị xã AyunPa (01 bản);
- GĐKT Toà án tỉnh (01 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án (01 bản);
- Lưu cơ quan (01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Siu Lanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**

Ngô Bảo Châu **Nguyễn Thị Mến** **Siu Lanh**

Nơi nhận:
- Các đương sự (03 bản);
-VKSND thị xã Ayun Pa (02 bản);
- Chi cục THADS thị xã AyunPa (01 bản);
- GĐKT Toà án tỉnh (01 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án (01 bản);
- Lưu cơ quan (01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Siu Lanh